

Số /QĐ-THCS

Quang Minh, ngày tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy tắc ứng xử văn hóa của cán bộ, giáo viên, nhân viên
và học sinh trong trường THCS Quang Minh**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS QUANG MINH

Căn cứ Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;

Thực hiện Công văn số 437/SGDDĐT-CTTT ngày 06/5/2019 về việc Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy tắc ứng xử văn hóa của cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động, người học trong trường THCS Quang Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động, học sinh trong trường THCS Quang Minh chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Ngọc Khánh

QUY TẮC ỨNG XỬ VĂN HÓA

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-THCS, ngày tháng 9 năm 2020)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Căn cứ đề ra các quy tắc đạo đức và ứng xử

1. Quy định về đạo đức Nhà giáo, ban hành kèm theo Quyết định số 16/2008/QĐ-BGD&ĐT ngày 16/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
2. Hướng dẫn số 282 /BGDĐT-CTHSSV ngày 25/1/2017 của Bộ GDĐT về việc đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hóa trong trường học.
3. Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên;
4. Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;
5. Truyền thống đạo đức Nhà giáo của dân tộc, của quê hương.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về quy tắc ứng xử của đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trường THCS Quang Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang trong thực hiện nhiệm vụ, trong quan hệ với đồng nghiệp, học sinh, phụ huynh học sinh và trong xã hội; quy tắc ứng xử văn hóa của học sinh được áp dụng trong thời gian học tập tại trường, ở nhà và ngoài xã hội.
2. Đối tượng áp dụng là tất cả cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh và phụ huynh học sinh và khách đến trường THCS Quang Minh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Mục đích xây dựng quy tắc ứng xử đối với CB, GV, NV và học sinh

1. Quy định các chuẩn mực về đạo đức và ứng xử của cán bộ, giáo viên, nhân viên, người lao động nhà trường khi thi hành nhiệm vụ, công vụ và trong quan hệ với đồng nghiệp, với học sinh, phụ huynh học sinh và trong quan hệ xã hội. Đồng thời quy định các chuẩn mực về ứng xử văn hóa của học sinh đối với các thầy, cô giáo, nhân viên, người lao động nhà trường và khách đến trường, trong gia đình, ngoài xã hội.
2. Là căn cứ để nhà trường xử lý trách nhiệm khi cán bộ, viên chức vi phạm các chuẩn mực đạo đức và xử sự trong thực hiện nhiệm vụ và trong các mối quan hệ công tác, đồng thời là căn cứ để đánh giá, xếp loại và giám sát việc chấp hành các quy định pháp

luật của cán bộ, viên chức. Thực hiện công khai các hoạt động nhiệm vụ, công vụ và các mối quan hệ công tác của cán bộ, viên chức trong công tác phòng, chống tham nhũng.

3. Là căn cứ để đánh giá, khen thưởng và xếp loại hằng năm.

Chương II

NỘI DUNG QUY TẮC ỨNG XỬ

Điều 4. Quy tắc ứng xử chung

1. Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân, của công chức, viên chức, nhà giáo, người lao động, và học sinh.

2. Thực hiện lối sống lành mạnh, tích cực, quan tâm chia sẻ và giúp đỡ người khác.

3. Bảo vệ, giữ gìn cảnh quan nhà trường an toàn, xanh, sạch, đẹp; xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, văn hóa.

4. Trang phục đến trường phải lịch sự, phù hợp với môi trường sư phạm và hoạt động giáo dục, phù hợp lứa tuổi. Không mặc áo cổ trễ, quần áo bó sát, váy ngắn trên gối. Không mặc trang phục mỏng, ren, hoa văn không phù hợp.

5. Không hút thuốc, chất cấm trong nhà trường theo quy định của pháp luật; không tham gia tệ nạn xã hội, không đến trường khi đã uống rượu, bia, chất cồn.

6. Không phát tán, tuyên truyền, bình luận những thông tin hoặc hình ảnh trái thuần phong mỹ tục, trái đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước hoặc làm ảnh hưởng xấu đến môi trường giáo dục.

7. Không gian lận, dối trá, vu khống, gây hiềm khích, quấy rối, ép buộc, đe dọa, bạo lực với người khác. Không làm tổn hại đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của bản thân, người khác và uy tín của nhà trường.

Điều 5. Ứng xử của cán bộ quản lý nhà trường

1. Ứng xử với học sinh:

Ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu;

Đối xử công bằng, yêu thương, trách nhiệm, bao dung, tôn trọng, gương mẫu, lắng nghe và khích lệ người học;

Không xúc phạm, ép buộc, trù dập, bạo hành.

2. Ứng xử với giáo viên, nhân viên, người lao động:

Ngôn ngữ chuẩn mực, tôn trọng, khích lệ, động viên;

Nghiêm túc, gương mẫu, đồng hành trong công việc; bảo vệ uy tín, danh dự, nhân phẩm và phát huy năng lực của giáo viên và nhân viên;

Đoàn kết, dân chủ, công bằng, minh bạch.

Không hách dịch, gây khó khăn, xúc phạm, định kiến, thiên vị, vụ lợi, né tránh trách nhiệm hoặc che giấu vi phạm, đổ lỗi.

3. Ứng xử với phụ huynh học sinh, và khách đến trường:

Ngôn ngữ đúng mực, thân thiện.

Trách nhiệm, nhiệt tình, trung thực, chia sẻ

Không xúc phạm, áp đặt, vụ lợi. Không gây khó khăn, phiền hà.

Điều 6. Ứng xử của giáo viên

1. Ứng xử với học sinh:

Ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu;

Gương mẫu, đối xử công bằng, yêu thương, trách nhiệm, bao dung, tôn trọng sự khác biệt, lắng nghe và khích lệ học sinh;

Không xúc phạm, ép buộc, trù dập, bạo hành, gây tổn thương, vụ lợi; không trù dập, định kiến, bạo hành, xâm hại; không thờ ơ, né tránh hoặc che giấu các hành vi vi phạm của người học.

2. Ứng xử với cán bộ quản lý:

Ngôn ngữ tôn trọng, trung thực, cầu thị, tham mưu tích cực và thể hiện rõ chính kiến;

Phục tùng sự chỉ đạo, điều hành và phân công của lãnh đạo theo quy định.

Không xúc phạm, gây mất đoàn kết; không thờ ơ, né tránh hoặc che giấu các hành vi sai phạm của cán bộ quản lý.

3. Ứng xử với đồng nghiệp và nhân viên:

Ngôn ngữ đúng mực, thân thiện, cầu thị.

Đoàn kết, trung thực, chia sẻ, hỗ trợ; tôn trọng; bảo vệ uy tín, danh dự và nhân phẩm của đồng nghiệp, nhân viên.

Không thờ ơ, né tránh hoặc che giấu các hành vi sai phạm của đồng nghiệp.

4. Ứng xử với phụ huynh học sinh, và khách đến trường:

Ngôn ngữ đúng mực, thân thiện.

Trách nhiệm, nhiệt tình, trung thực, chia sẻ

Không xúc phạm, bịa đặt, vụ lợi. Không gây khó khăn, phiền hà.

Điều 7. Ứng xử của nhân viên

1. Ứng xử với học sinh:

Ngôn ngữ chuẩn mực; tôn trọng, trách nhiệm, khoan dung, giúp đỡ.

Không gây khó khăn, phiền hà, xúc phạm, không có hành vi bạo lực.

2. Ứng xử với cán bộ quản lý:

Ngôn ngữ tôn trọng, trung thực, cầu thị, tham mưu tích cực và thể hiện chính kiến;

Phục tùng sự chỉ đạo, điều hành và phân công của lãnh đạo theo quy định.

Không xúc phạm, gây mất đoàn kết; không thờ ơ, né tránh hoặc che giấu các hành vi sai phạm của cán bộ quản lý.

3. Ứng xử với giáo viên, đồng nghiệp:

Ngôn ngữ đúng mực, thân thiện, cầu thị.

Đoàn kết, trung thực, chia sẻ, hỗ trợ; tôn trọng; bảo vệ uy tín, danh dự và nhân phẩm của giáo viên, đồng nghiệp.

Không thờ ơ, né tránh hoặc che giấu các hành vi sai phạm của đồng nghiệp.

4. Ứng xử với phụ huynh học sinh và khách đến cơ sở giáo dục:

Ngôn ngữ đúng mực, thân thiện.

Trách nhiệm, nhiệt tình, trung thực, chia sẻ.

Không xúc phạm, áp đặt, vụ lợi. Không gây khó khăn, phiền hà.

Điều 8. Ứng xử của học sinh.

1. Ứng xử với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

Kính trọng, lễ phép, trung thực, chia sẻ, chấp hành các yêu cầu theo quy định: Gọi “thầy/cô” xưng “em”.

Không bịa đặt thông tin; không xúc phạm tinh thần, danh dự, nhân phẩm, không bạo lực.

2. Ứng xử với học sinh khác:

Đúng mực, thân thiện, trung thực, hợp tác, giúp đỡ, chia sẻ và tôn trọng sự khác biệt. Gọi “Anh/chị” xưng “Em”; gọi “bạn” xưng “tôi”; gọi “em” xưng “anh / chị”.

Không nói tục, chửi bậy, miệt thị, xúc phạm, gây mất đoàn kết; không bịa đặt, lôi kéo; không phát tán thông tin để nói xấu, làm ảnh hưởng đến danh dự, nhân phẩm học sinh khác.

3. Ứng xử với cha mẹ và người thân:

Kính trọng, lễ phép, trung thực, yêu thương.

Phải biết giúp đỡ.

4. Ứng xử với khách đến trường:

Tôn trọng, lễ phép, biết chào hỏi, giúp đỡ.

Điều 9. Ứng xử của phụ huynh học sinh.

1. Ứng xử với con, cháu (học sinh):

Ngôn ngữ đúng mực, gương mẫu; Quan tâm, khích lệ, yêu thương.

Tạo điều kiện học tập tốt nhất có thể

2. Ứng xử với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

Tôn trọng, trách nhiệm, hợp tác, chia sẻ.

Không bịa đặt thông tin; không xúc phạm tinh thần, danh dự, nhân phẩm.

Điều 10. Ứng xử của khách đến trường.

Tôn trọng quy định của Nhà trường.

Ứng xử với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh: Đúng mực, tôn trọng.

Không bịa đặt thông tin; không xúc phạm tinh thần, danh dự, nhân phẩm.

Không bạo lực.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, người lao động nhà trường

Thực hiện đúng các quy định tại quy tắc này.

Vận động các đồng nghiệp thực hiện đúng các quy định tại Quy tắc này; khi phát hiện cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường vi phạm Quy tắc này phải kịp thời góp ý để họ sửa đổi, đồng thời phản ánh với Ban giám hiệu.

Điều 12. Trách nhiệm của học sinh và phụ huynh học sinh.

Học sinh, cha mẹ học sinh có trách nhiệm thực hiện tốt các quy định tại Quy tắc ứng xử. Nếu phát hiện cá nhân vi phạm Quy tắc này phải kịp thời góp ý, đồng thời phản ánh với giáo viên chủ nhiệm, Lãnh đạo nhà trường để xử lý tùy theo mức độ vi phạm.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban giám hiệu nhà trường

Quản triệt, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy tắc này, làm căn cứ để đánh giá, xếp loại cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh.

Công khai Quy tắc này trên Website của trường

Kiểm tra giám sát việc thực hiện Quy tắc này của cán bộ, giáo viên, nhân viên. Phê bình, chấn chỉnh, xử lý các vi phạm đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường./.